

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2024.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vân;
- Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - **Thư ký** Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXX - ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thanh N**, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; *xin vắng mặt.*

Bị đơn: **Anh Nguyễn Nhật T**, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; *xin vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: **Chị Trần Thị Thanh N** trình bày: Chị và anh T kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 10-3-2018.

Vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu đánh đập chị. Năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn, anh T năn nỉ nên chị đã rút đơn khởi kiện theo Quyết định đình chỉ số 127/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15-9-2023 nhưng đến nay không có giải pháp khắc phục, anh T không sửa đổi tính tình. Do vợ chồng chung sống không còn tình cảm nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thiên H, sinh ngày 28-12-2018 và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07-10-2021. Chị xin nuôi hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Nhật T: Từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Tuy nhiên, anh T vắng mặt không đến để trình bày ý kiến cũng như không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, cũng như không tham gia phiên hòa giải và xét xử. Sau khi hoãn phiên tòa anh T không có văn bản trình bày ý kiến nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX): Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần sau đó có đơn xin vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Thanh N**, cho chị N được ly hôn với anh T. Về con chung giao cho chị N nuôi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: **Chị Trần Thị Thanh N** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **Nguyễn Nhật T** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, sau đó có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 10-3-2018 nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị N trình bày mâu thuẫn phát sinh là do anh T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu đánh đập chị, chị cho anh T cơ hội sửa chữa nhưng không có giải pháp khắc phục nên vẫn cương quyết xin ly hôn.

Đối với anh T đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến, sau đó xin vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày xem như đương sự tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2023 chị N đã có đơn xin ly hôn, anh T năn nỉ nên chị đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ban hành Quyết định đình chỉ số 127/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15-9-2023. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ chung sống vẫn không có giải pháp khắc phục, vẫn tiếp tục ly thân thời gian dài cho thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị **Trần Thị Thanh N** xác định chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Thiên H, sinh ngày 28-12-2018 và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07-10-2021. Chị xin nuôi hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, trong thời gian chung sống và khi ly thân chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, cháu A, anh T không chăm lo cũng không phụ tiền cấp dưỡng nuôi con, chị N vẫn chăm lo cho các cháu được tốt, nên giao con chung cho chị N nuôi là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thanh N** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị **Trần Thị Thanh N** xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thị Thanh N** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trần Thị Thanh N**.

Chị **Trần Thị Thanh N** được ly hôn với anh **Nguyễn Nhật T**.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên H, sinh ngày 28-12-2018 và Nguyễn Thiên A, sinh ngày 07-10-2021 cho chị **Trần Thị Thanh N** trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Trần Thị Thanh N** không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị **Trần Thị Thanh N** xác định không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Trần Thị Thanh N** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000

đồng theo biên lai số 009089 ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Anh **Nguyễn Nhật T** không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV -TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- UBND xã Biên Giới;
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Thanh Hùng